

NGŨ NGHĨA CỦA ABOVE VÀ HÌNH THỨC BIỂU ĐẠT TƯƠNG ĐƯƠNG TRONG BẢN DỊCH TIẾNG VIỆT

LÊ NGUYỄN BẢO*

Abstract: *Above* is among the four English lexemes (*over*, *above*, *under*, and *below*) which represent a systematic division of the vertical axis into four distinct spatial locations. Although *above* shares some common semantic features with other spatial particles involving the vertical axis, its functional element distinguishes it from the others. Besides, the equivalences of *above* in Vietnamese translation are numerous, and furthermore the meaning can be interpreted in a variety of ways depending on the context. In this paper, I carry out a survey of the semantics of *above* in the complete Sherlock Holmes and their equivalence in the officially published Vietnamese version (Literature Publishing House). The result of this will be used to compare and contrast the similarities and differences in the meanings of *above*.

Key words: *semantics, preposition, above, equivalence, Vietnamese translation.*

1. Đặt vấn đề

Langacker [7] và Talmy [9] cho rằng, tiếng Anh đã phát triển các tiểu tập hợp bao gồm những tiểu từ không gian mà diễn cảnh (proto-scene) của chúng ưu tiên những trục hay chiều kích có hướng nhất định. Một trong những tập hợp phát triển nhất là tập hợp những giới từ định vị theo trục thẳng đứng, gồm: *over*, *above*, *under*, *below* và *up*, *down*. Giới từ *above* nằm trong nhóm các giới từ phân chia trục thẳng đứng thành bốn vị trí khác biệt, hệ thống trong không gian.

Ngữ nghĩa của mỗi giới từ không gian vừa phụ thuộc vào ngữ nghĩa của các giới từ không gian khác trong hệ thống ngôn ngữ; lại vừa độc lập, có những nét nghĩa khác biệt căn bản. Quirk và các tác giả khác [8, tr.678] cũng đã viết: Những khác biệt chính là *over-under* thiên về biểu thị quan hệ không gian theo trục thẳng đứng, trong khi *above-below* đơn giản để chỉ cao hơn và thấp hơn. Để hiểu được “mạng ngữ nghĩa” của nhóm giới từ này và có thể sử dụng chúng một cách chính xác trong việc giao tiếp và biên dịch bằng tiếng Anh, người nghiên cứu không chỉ tìm hiểu ngữ nghĩa của các giới từ này trong các tiểu tập hợp giới từ mà còn cần phải nghiên cứu mạng ngữ nghĩa của từng giới từ trong những ngữ cảnh khác nhau để có thêm bằng chứng cho sự khác biệt về ý niệm khi thể hiện chúng. Bên cạnh đó, hình thức biểu đạt tương đương trong tiếng Việt của giới từ *above* cũng rất đa dạng. Chính vì vậy, tìm hiểu ngữ nghĩa của giới từ *above* và hình thức biểu đạt tương đương trong tiếng Việt sẽ giúp người nghiên cứu nhận ra sự tương đồng và khác biệt giữa ngữ nghĩa của *above* và hình thức biểu đạt tương đương trong tiếng Việt; từ đó áp dụng vào việc giảng dạy tiếng Anh cho người Việt được tốt hơn.

2. Diễn cảnh và ngữ nghĩa của *above*

2.1. Diễn cảnh của “*above*”

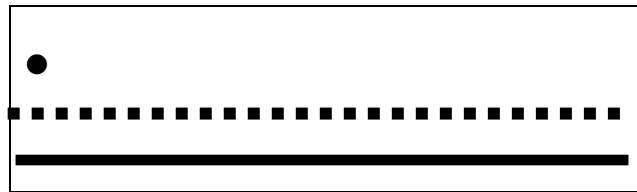
Theo Tyler & Evans [10, tr.50], “diễn cảnh (proto-scene) là một sự trình bày nội tâm lí tưởng hóa qua các khung cảnh không gian lặp đi lặp lại gắn với một tiểu từ không gian nào đó; nhờ vậy, nó là một sự trừu tượng hóa qua nhiều khung cảnh không gian tương tự”.

* NCS Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Khung cảnh không gian là cấu hình không gian vật lí lặp đi lặp lại trong thế giới thực được phản ánh vào ý niệm của con người. Khung cảnh không gian bao gồm cả các thành tố của cấu hình và chức năng.

Thành tố chức năng của *above* nhấn mạnh khoảng cách không thể kết nối được giữa vật dịch chuyển (TR: Trajectory) và mốc định vị (LM: Landmark) để TR không “nằm trong tầm tiếp xúc tiềm năng” với LM [10, tr.111]. Cấu hình không gian bao gồm các thực thể là vật dịch chuyển (TR) và mốc định vị (LM). Còn thành tố chức năng phản ánh quan hệ tương tác giữa TR và LM theo từng cấu hình không gian cụ thể.

Trong Hình 1, TR được thể hiện bằng một chấm tròn đen và LM là đường kẻ đậm. Đường kẻ đứt quãng để phân biệt vùng không gian được ý niệm hóa là gần với LM và vùng không gian được ý niệm hóa là xa LM. Như vậy, TR trong Hình 1 được ý niệm hóa là không nằm trong tầm tiếp xúc tiềm năng với LM.



Hình 1. Diễn cảnh của *Above*

Ví dụ:

(1) <i>The picture is above the mantel.</i>	<i>Bức tranh ở phía trên bộ lò sưởi</i> [10, tr.111]
---	--

Trong câu (1), TR (*The picture*) ở trên LM (*the mantel*) và không nằm trong tầm tiếp xúc tiềm năng với LM.

Về bản chất, không gian ý niệm có tính tô pô không phải Ơ-clít, thì sự ý niệm hóa và việc biểu hiện bằng ngôn ngữ, số đo chính xác giữa TR và LM hoàn toàn chủ quan. Trong một số trường hợp, một người giải thích không gian giữa TR và LM là gần (sử dụng tiểu từ *over*), có thể người khác giải thích là xa (sử dụng tiểu từ *above*) [10, tr.113].

Như vậy, diễn cảnh là “khung cảnh điển mẫu” của ý niệm. Xác định diễn cảnh của *above* là để phân biệt nghĩa nguyên thủy với các nghĩa khác (nghĩa phái sinh) trong mạng ngữ nghĩa của *above*. Các nghĩa khác nhau nhưng liên quan với nhau của một giới từ tạo nên mạng ngữ nghĩa của giới từ đó.

2.2. Ngữ nghĩa của “*above*”

Chúng tôi chọn *Toàn tập Sherlock Holmes* làm nguồn ngữ liệu để khảo sát và so sánh đối chiếu. Bởi vì theo chúng tôi, *Toàn tập Sherlock Holmes* đáp ứng được hai yêu cầu chủ yếu: thứ nhất, ngữ liệu này mang tính chất đặc trưng về hành động nói chung và chuyển động nói riêng; thứ hai, nguồn dữ liệu này lớn (khoảng 1.000 trang) và đồng nhất (như là về thể loại, cách hành văn và sử dụng từ...) thích hợp cho việc nghiên cứu, so sánh đối chiếu.

Bảng 1. Thống kê tần số giới từ *above* được sử dụng trong *Toàn tập Sherlock Holmes*

Giới từ <i>above</i>	Số lượng sử dụng	Tỉ lệ %
Nghĩa định vị không gian	71	87,6
Nghĩa phi không gian	10	12,4
Tổng	81	100

Thống kê tần số sử dụng *above* trong *Toàn tập Sherlock Holmes* cho thấy, *above* phần lớn được sử dụng với nghĩa định vị không gian, 71 trường hợp trong 81 trường hợp, chiếm tỉ lệ 87,6%; chỉ có 10 trường hợp sử dụng với nghĩa phi không gian (chiếm 12,4%). Như vậy, có thể nói thành tố chức năng định vị không gian của *above* vẫn đóng vai trò chủ yếu trong các tình huống sử dụng.

2.2.1. Nghĩa định vị không gian

Ví dụ (2):

a. <i>They were about to resume their journey when one of the youngest and keenest-eyed uttered an exclamation and pointed up at the rugged crag above them</i> (tr.38).	a. Họ định tiếp tục cuộc hành trình thì một người trong số trẻ tuổi nhất và tinh mắt nhất bỗng hô hoán và chỉ tay về phía vách đá lởm chởm trên đầu họ.
b. <i>On the edge of a jutting pinnacle, three or four hundred feet above him</i> (tr.50).	b. Trên rìa một mỏm núi chìa ra, phía trên đầu anh chừng ba hay bốn trăm foot.

Cả hai tình huống (2) a-b, quan hệ giữa TR và LM là quan hệ theo trục thẳng đứng không có sự tiếp xúc nên được biểu thị trong tiếng Anh bằng giới từ *above* (*trên*). Trong tiếng Việt quan hệ này được biểu thị bằng biểu thức: *trên đầu*. Theo tác giả Trần Văn Dương [1, tr.45], “cơ thể người và các bộ phận cơ thể người đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình ý niệm hóa và mã hóa quan hệ không gian theo trục thẳng đứng”. Tuy nhiên trong tiếng Anh, nếu quan hệ giữa TR và LM tiếp xúc nhau thì không sử dụng giới từ *above*. Ví dụ: *The black hat perched solemnly and firmly **on** his head* (Wayne Karlin, 2003) (Chiếc mũ màu đen chễm chệ bám chắc **trên đầu** anh) (Mai Sơn, *Vật lạ ở trên đầu*).

c. <i>A woman appeared with a lamp in her hand, which she held above her head</i> (tr.229).	c. Một người phụ nữ xuất hiện, giơ một ngọn đèn cao quá đầu .
d. <i>The ceiling was only a foot or two above my head, and with my hand upraised I could feel its hard, rough surface</i> (tr.231).	d. Trần nhà chỉ còn cách đầu tôi chừng một hoặc hai foot và nếu giơ tay lên thì tôi có thể chạm vào bề mặt cứng rắn và thô ráp của nó.

Tuy nhiên, tình huống (2) c và d, trong tiếng Việt không biểu thị là *trên đầu* (như trong câu a-b) mà được biểu thị là *cao quá đầu* và *cách đầu*. Trong tiếng Anh, ở hai câu (2) c và d chỉ có giới từ *above* biểu thị quan hệ giữa TR và LM, mặc dù *cấu hình* của TR và LM trong hai câu (2) c và d khác nhau. Quan hệ giữa TR và LM ở câu (2) c “nằm trong tầm tiếp xúc tiềm năng” còn ở câu (2) d, quan hệ giữa TR và LM “ít” nằm trong tầm tiếp xúc tiềm năng.

3a. <i>A set of steps stood at one side of the room, in the midst of a litter of lath and plaster, and above them there was an opening in the ceiling large enough for a man to pass through</i> (tr.79-80).	a. Ở một phía gian phòng là chiếc thang dựng giữa đồng thạch cao và gỗ lát trần vung vãi, bên trên là một lỗ hổng đục thủng trần nhà đủ rộng cho một người chui qua.
b. <i>He pointed to what looked like a long, dark thorn stuck in the skin just above the ear</i> (tr.80).	b. Anh chỉ cho tôi thấy một vật giống như một cái gai dài, thâm đen, cắm vào da ngay phía trên tai.
c. <i>They were now nearly five thousand feet above the sea level, and the air was bitter and keen</i> (tr.49).	c. Họ đang ở trên độ cao gần năm ngàn foot so với mặt biển và khí trời rét buốt căm căm.

Ở ba tình huống (3) a-c, giới từ *above* trong tiếng Anh được biểu thị bằng nhiều hình thức tương đương trong tiếng Việt: *trên, phía trên, bên trên*. Những hình thức này có thể coi là những biến thể của *trên*.

4a. <i>They hardly rise above the common herd</i> (tr.71).	a. Chúng hầu như không nhô lên khỏi hàng chữ thấp.
b. <i>I calculated that in less than an hour it would lie just above the topmost branches of the old oak.</i> (tr.334)	b. Tôi tính chưa đến một giờ nữa, mặt trời sẽ xuống đến ngọn cây sồi cổ thụ.

Câu (4a), giới từ *above* được biểu đạt bằng hình thức tương đương trong tiếng Việt là *lên khỏi*. Trong khi câu (4b), *above* vẫn thể hiện quan hệ giữa TR (*it*) và LM (*the topmost branches of the old oak*), TR ở phía trên LM. Tuy nhiên, trong tiếng Việt được biểu đạt là: *xuống đến*.

Trong tiếng Anh, theo Quirk và các tác giả khác [8, tr. 678], cặp *above-below* thiên về biểu thị quan hệ không gian *cao hơn* và *thấp hơn*, không nhất thiết theo trục thẳng đứng. Khi biểu thị không gian theo trục thẳng đứng, cặp này luôn có nét nghĩa “tĩnh”.

Trong tiếng Việt, theo tác giả Trần Văn Dương [1, tr.45], “các ý niệm định vị theo trục thẳng đứng TRÊN *trời*, DƯỚI *đất* luôn song hành với các ý niệm LÊN *trời*, XUỐNG *đất*”. “Trong nhiều tình huống, nhóm từ định vị còn kết hợp với nhóm từ định hướng như LÊN TRÊN, XUỐNG DƯỚI,...”.

5a. <i>If the launch is above water, they will find her</i> (tr.92).	a. Nếu con tàu đó còn nổi trên mặt nước thì chúng nó sẽ tìm ra.
b. <i>There were no carpets and no signs of any furniture above the ground floor, while the plaster was peeling off the walls</i> (tr.230).	b. Không có thảm mà cũng chẳng thấy dấu vết của đồ đạc bày trên nền nhà, còn vôi vữa trát tường tróc ra từng mảng.

Trong câu (5) a-b, quan hệ giữa TR và LM có sự tiếp xúc nhau. Không thể nói TR (*con tàu, thảm, ...*) không “nằm trong tầm tiếp xúc tiềm năng” với LM (*mặt nước, nền nhà*).

6a. <i>If you will have the kindness to hold the lamp for me, we shall now extend our research to the room above</i> (tr.81).	a. Nếu anh vui lòng cầm cái đèn giúp tôi, chúng ta sẽ mở rộng phạm vi điều tra sang căn phòng bên trên .
b. <i>Above were three students, one on each story</i> (tr.519).	b. Ba cậu sinh viên ở các tầng trên , mỗi người một tầng.

Tình huống câu (6) a-b cho thấy, từ ý niệm định vị theo trục thẳng đứng, những đối tượng như bậc cầu thang, các tầng của một tòa nhà,... cũng được quy chiếu TRÊN-DƯỚI (*căn phòng bên trên, tầng trên*).

Tuy nhiên trong câu (7), *above* không định vị theo trục thẳng đứng như ở câu (6) a-b. Biểu thức *above* (*trên*) ở đây phụ thuộc vào **điểm nhìn** của chủ thể người nói. Điểm nhìn là vị trí để chủ thể nhận thức khung cảnh không gian. Khung cảnh không gian được ý niệm hóa thường có sự tương tác theo những phương thức quan trọng với điểm nhìn mà từ đó khung cảnh không gian được quan sát.

(7) <i>We had an inn and two houses a little above us, and a single cottage at the other side of the field which faces us</i> (tr.296).	Có một quán trọ và hai ngôi nhà nữa nằm phía trên nhà chúng tôi một chút, và một căn nhà thôn dã nằm đơn độc ở phía bên kia cánh đồng đối diện với nhà chúng tôi.
--	--

Ngữ nghĩa của *above* trong câu (7) là một trong 4 nghĩa ngoài điển cảnh mà các tác giả nước ngoài đã xác định, đó là nghĩa “khoảng cách địa hình”. Trong tình huống này chủ thể người nói muốn nhấn mạnh khoảng cách giữa TR với LM (khoảng cách giữa *một quán trọ và hai ngôi nhà* với *nhà chúng tôi*).

(8)a. <i>Evidently there was a skylight which let in light from above</i> (tr.271).	a. Chắc chắn là có một giếng trời để cho ánh sáng lọt vào từ bên trên .
b. <i>The girl must have waited above</i> (tr.336).	b. Cô gái phải đợi ở bên trên .

Trong hai câu (8) a-b, giới từ *above* định vị quan hệ giữa TR và LM, nhưng LM không được xác định rõ ràng, cụ thể. Trong những tình huống nhất định và tùy theo điểm nhìn, người nghe có thể hiểu được khung cảnh không gian mà người nói đề cập. “Đây là sự trừu tượng hóa mối liên hệ giữa những địa điểm không gian (theo những cách đối lập khác nhau) từ góc nhìn của một chủ thể đang trong trạng thái cố định” [3, tr.58].

(9) <i>Look at those big, isolated clumps of building rising up above the slates</i> (tr.391).	Anh hãy nhìn những tòa nhà to lớn, tách biệt, vượt hẳn lên những mái ngói kia.
---	---

Above trong tình huống của câu (9) vẫn chỉ quan hệ giữa TR và LM nhưng TR và LM không cùng trên một trục thẳng đứng.

Những ví dụ trên đã làm rõ hơn thành tố chức năng của *above* so với các giới từ định vị không gian khác (*over, on, ...*). Bên cạnh đó, cũng từ các ví dụ này cho thấy, nét nghĩa định vị không gian của *above* rất phong phú, không chỉ đơn thuần như diễn cảnh mà Tyler & Evans [5] đã mô tả.

2.2.2. Nghĩa phi không gian

Có thể nói, con người thường xuyên mở rộng hiểu biết của mình về quan hệ không gian - vật lý và các thực thể sang các lĩnh vực phi không gian, những ý niệm hóa mở rộng này thường xuyên được phản ánh trong hệ thống ngôn ngữ.

(10) <i>She was rather above the middle height, slim, with dark hair and eyes, which seemed the darker against the absolute pallor of her skin</i> (tr.254).	Cô ta cao hơn hẳn mức trung bình, vóc người mảnh dẻ, mái tóc và đôi mắt sẫm màu được tôn lên bởi làn da tái nhợt.
---	--

Tình huống câu (10), *above* biểu thị quan hệ giữa TR và LM nhưng không phải là sự định vị không gian theo trục thẳng đứng mà là sự so sánh giữa TR và LM (*mức trung bình*).

Tuy nhiên, trong tình huống (11), *above* cũng biểu thị quan hệ giữa TR và LM, nhưng cả TR và LM đều mang tính chất trừu tượng. Ví dụ (11): *I've always been proud **above** my station in life* (tr.332). (*Lòng tự trọng của tôi luôn cao hơn địa vị*).

Ví dụ (12): *I see that I have alluded **above** to his powers upon the violin* (tr.12). (*Tôi thấy là ở trên tôi có nhắc đến tài chơi vĩ cầm của anh ta*).

Trong câu (12), *above* không biểu thị quan hệ không gian giữa TR và LM. Hàm ý của *above* trong trường hợp này là *thời gian (lúc trước)*.

Ví dụ (13):

a. *Thaddeus Sholto talked incessantly, in a voice which rose high **above** the rattle of the wheels* (tr.77). (*Thaddeus Sholto nói không ngừng, giọng út cả tiếng bánh xe khua vang trên đường*.)

b. *He could not have been much **above** twenty years of age* (tr.488). (*Cậu ta chỉ tầm hai mươi tuổi*.)

c. *I have three maid-servants who have been with me a number of years and whose absolute reliability is quite **above suspicion*** (tr.251). (*Ngoài ra tôi còn có ba cô hầu gái đã phục vụ trong nhà nhiều năm và hoàn toàn đáng tin cậy*.)

Do sự gia tăng về độ cao theo chiều thẳng đứng thường có mối liên hệ thường xuyên với sự gia tăng về lượng nên trong một số ngữ cảnh, điển cảnh có hàm ý là “nhiều hơn”. Thông qua tăng cường dụng học, hàm ý này dần dần gắn chặt với *above* [10, tr.115-116].

Ở câu (13) a, *above* hàm ý *lớn hơn*. Câu (13) b, *above* hàm ý *nhiều hơn*. Trong tiếng Việt, hàm ý “nhiều hơn” của *above* được biểu thị bằng nhiều hình thức khác nhau: *át cả, tầm, đáng tin cậy*. Do đó, trong tiếng Anh thường thấy các biểu thức *above reproach* (hoàn hảo/không thể chê), *above suspicion* (không thể nghi ngờ, đáng tin cậy).

Các ngôn ngữ đều có thể biểu đạt những mức độ chi tiết, cụ thể trong phân chia khung cảnh không gian. Tuy nhiên, tiểu từ không gian là lớp từ đóng, là hệ quả tất yếu của bản chất môi trường tương đối ổn định (sức hút trọng lực và các định luật vật lý khác vẫn nguyên như vậy, bất luận thời gian) cũng như tính ổn định tương đối về sinh lý học (những tiến hóa về hình thái học và giải phẫu thần kinh người, so với tiến trình biến đổi của ngôn ngữ, thực ra không mấy thay đổi) [10, tr.108].

Từ việc phân tích mạng ngữ nghĩa của *above* cho thấy, ngữ nghĩa của *above* đã được phát triển, không phải ở nghĩa phi không gian mà ngay cả về nghĩa định vị không gian.

3. Hình thức biểu đạt tương đương với *above* trong bản dịch tiếng Việt

3.1. Thống kê hình thức biểu đạt tương đương với “*above*” trong bản dịch tiếng Việt

Bảng 2. Các hình thức biểu đạt tương đương với *above* trong bản dịch tiếng Việt

STT	Hình thức biểu đạt tương đương với <i>above</i> trong bản dịch tiếng Việt	Số lượng sử dụng	Tỉ lệ %	STT	Hình thức biểu đạt tương đương với <i>above</i> trong bản dịch tiếng Việt	Số lượng sử dụng	Tỉ lệ %
1	<i>trên</i>	29	35,8	10	<i>dưới</i>	1	1,2
2	<i>bên trên</i>	14	17,3	11	<i>bên</i>	1	1,2
3	không dịch trong bản tiếng Việt	9	11,2	13	<i>cao vượt lên</i>	1	1,2
4	<i>trên (đỉnh) đầu</i>	6	7,4	14	<i>xuống đến</i>	1	1,2
5	<i>phía (bên) trên</i>	4	5	15	<i>vươn lên</i>	1	1,2
6	<i>hơn</i>	4	5	16	<i>át cả</i>	1	1,2
7	<i>lên</i>	3	3,7	17	<i>tầm</i>	1	1,2
8	<i>trên cao</i>	2	2,5	18	<i>quá</i>	1	1,2
9	<i>cách</i>	2	2,5	10	<i>dưới</i>	1	1,2
Tổng						81	100

3.2. Đặc điểm của các hình thức tương đương với “*above*” trong bản dịch tiếng Việt

* Hầu hết các trường hợp sử dụng *above* đều có hình thức biểu đạt tương đương trong bản dịch tiếng Việt

Chúng tôi thống kê trong *Toàn tập Sherlock Holmes*, có 81 trường hợp sử dụng *above*, nhưng chỉ có 9 trường hợp không được dịch trong bản tiếng Việt, chiếm tỉ lệ thấp, 11,2%. Điều này chứng tỏ, *above* được sử dụng với nghĩa khá rõ ràng, cụ thể, đặc biệt với nghĩa định vị không gian. Tuy nhiên, chỉ một vài trường hợp sử dụng *above* với nghĩa phi không gian, không được dịch, ví dụ:

(14) *I must request you to walk on tiptoe and not to talk **above** a whisper* (tr.645). (Tôi phải yêu cầu ông đi bộ thật êm và chỉ nói thầm).

(15) *With the brow of a philosopher **above** and the jaw of a sensualist below* (tr.422). (Với vầng trán của bậc hiền triết và quai hàm của kẻ ham dục lạc.)

* *Above* có rất nhiều hình thức biểu đạt tương đương trong bản dịch tiếng Việt

Theo số liệu thống kê, *above* có 17 hình thức biểu đạt tương đương trong bản dịch tiếng Việt. Hình thức biểu đạt tương đương được sử dụng nhiều là *trên*, 29 trường hợp, chiếm 35,8%; *bên trên*, 14 trường hợp, chiếm 17,3%; *trên (đỉnh) đầu*, 6 trường hợp, chiếm 7,4%; *phía (bên) trên*, 4 trường hợp, chiếm 5%; *hơn*, 4 trường hợp, chiếm 5%; 12 hình thức biểu đạt tương đương khác chỉ có một vài trường hợp. Trong tiếng Việt, các hình thức *bên trên* và *phía trên* là những biến thể của *trên*. Ba hình thức biểu đạt này có 47 trường hợp, chiếm tỉ lệ 58%.

* *Nghĩa lí tưởng (nghĩa nguyên thủy) của 'above' được sử dụng nhiều hơn các nghĩa khác (nghĩa sử dụng, nghĩa tình huống) (nghĩa phái sinh).*

Tác giả Trần Văn Dương [1, tr.120] cho rằng: “Nghĩa của một giới từ thường có 3 loại: (1) *nghĩa lí tưởng* là những nét nghĩa có tính khái quát, là nghĩa “lỗi” của từ, (2) *nghĩa sử dụng* là nghĩa được hình thành trên cơ sở nghĩa lí tưởng trong nhiều tình huống khác nhau và đã tương đối ổn định, phổ quát với nhiều người, là cơ sở để nhận biết thông điệp của người nói ngay cả khi không có ngữ cảnh kèm theo, và (3) *nghĩa tình huống*, loại nghĩa này có tính lâm thời. Vẫn dựa trên cơ sở của nghĩa lí tưởng hoặc nghĩa sử dụng của từ nhưng nó chịu sự tác động rất mạnh của những yếu tố ngoài ngôn ngữ khác để hình thành nên ý nghĩa thông báo. Và ý nghĩa này chỉ tồn tại tại thời điểm phát ngôn”.

Nghĩa lí tưởng của *above* là biểu thị quan hệ giữa TR và LM sao cho TR ở *trên* LM, không “nằm trong tâm tiếp xúc tiềm năng” với LM. Từ kết quả thống kê mạng ngữ nghĩa của *above* chúng tôi nhận thấy, những hình thức biểu đạt tương đương trong tiếng Việt có hàm ý *trên* (như *trên*, *bên trên*, *phía trên*, *trên đầu*, *trên cao*) có đến 55 trường hợp được sử dụng, chiếm tỉ lệ gần 68% trong tổng số các hình thức biểu đạt tương đương.

Bên cạnh đó, trong tiếng Việt, *trên* có nghĩa là “phía những vị trí **cao hơn** trong không gian so với một vị trí xác định nào đó, hay so với các vị trí khác nói chung” [4, tr.1032]. Trong tiếng Việt thường có các biểu thức: *trên cao*, *dưới thấp*. Qua thống kê chúng tôi thấy, trong các hình thức biểu đạt tương đương với *above* trong bản dịch tiếng Việt cũng có một số trường hợp sử dụng biểu thức có hàm ý *cao*, như: *cao hơn*, *trên cao*, *cao vượt lên*, *cao vượt trội*, *cao quá đầu*. Ví dụ câu (16):

*Pooh, man, you should soar **above** it* (tr.308). (Thật vớ vẩn, chàng trai, anh nên mơ **cao hơn** thế.)

Ngoài ra, trong tiếng Việt, ý niệm *trên-dưới* cũng thường đi cùng với ý niệm *lên-xuống*, đó là *lên trên-xuống dưới*. Trong những hình thức biểu đạt tương đương với *above* mà chúng tôi thống kê được có hình thức hàm ý *lên*, như: *vượt lên*, *lên khỏi*, *cao vượt lên*. Ví dụ câu (17): *It was a pleasant walk of four miles along the edge of the moor, leading me at last to a small gray hamlet, in which two larger buildings, which proved to be the inn and the house of Dr. Mortimer, stood high **above** the rest* (tr.610). (Sau khi thử thả tản bộ bốn dặm đường men theo rìa trường, tôi tới một ngôi làng nhỏ ẩm đạm chỉ có hai ngôi nhà lớn **cao vượt lên** so với những nhà còn lại, hóa ra đó là một lữ quán và tư gia của bác sĩ Mortimer).

3.3. Sự tương đồng và khác biệt về ngữ nghĩa của ‘above’ với hình thức biểu đạt tương đương trong bản dịch tiếng Việt

Từ kết quả khảo sát giới từ *above* trong *Toàn tập Sherlock Holmes*, chúng tôi nhận thấy sự tương đồng và khác biệt về ngữ nghĩa của *above* với hình thức biểu đạt tương đương trong bản dịch tiếng Việt như sau:

* Sự tương đồng

Trong tiếng Anh, trước tiên giới từ *above* biểu thị quan hệ giữa TR và LM, trong đó TR ở phía trên của LM. Trong bản dịch tiếng Việt, ý niệm này được biểu thị là **trên** và một số biến thể như *bên trên*, *phía trên*. “**Trên** có nghĩa là “phía những vị trí **cao hơn** trong không gian so với một vị trí xác định nào đó, hay so với các vị trí khác nói chung” [4, tr.1032]. Ví dụ:

“*I think that this should do*”, said he, glancing into the glass **above** the fireplace (tr.256). (“Tôi nghĩ ăn mặc thế này là được”, anh nói khi ngắm nghía mình trong chiếc gương treo **bên trên** lò sưởi).

Thứ hai, ngoài diễn cảnh, *above* còn biểu thị quan hệ giữa TR và LM, LM kế tiếp ở trên TR. Trong bản dịch tiếng Việt, ý niệm này cũng được biểu thị là *trên*. Ví dụ: *The two lads who slept in the chaff-cutting loft above the harness-room were quickly aroused* (tr.281). (Hai cậu trai đang ngủ trong tầng xếp chát rạ **phía trên** gian để yên cương nhanh chóng được đánh thức dậy.)

Thứ ba, *above* còn được sử dụng với nghĩa phi không gian, biểu thị sự lớn hơn hoặc nhiều hơn. Trong tiếng Việt, ý niệm này được biểu thị là *trên* hoặc *hơn*. Ví dụ: *All red-headed men who are sound in body and mind and above the age of twenty-one years, are eligible* (tr.136). (Mọi nam giới tóc đỏ có thể chất và tinh thần khỏe mạnh, **trên/hơn** hai mươi một tuổi đều đủ điều kiện ứng tuyển.)

Nhìn chung, ba trường hợp trên có sự tương đồng về nghĩa của *above* với hình thức biểu đạt tương đương trong bản dịch tiếng Việt.

* Sự khác biệt

- Trong tiếng Anh, ý niệm TR *trên* LM được mã hóa bằng nhiều hình thức khác nhau, tùy theo mối quan hệ giữa TR và LM.

Nếu LM ở trên TR nhưng chuyển động ngang qua TR thì sẽ không được mã hóa là *above* mà mã hóa là *over*. Theo Lakoff [6, tr.419-420], nghĩa của *over* kết hợp những yếu tố của cả *above* và *across*. Trong tiếng Việt, ý niệm này được biểu thị là *trên* hoặc *qua*. Ví dụ: *The arrow flew over the target and landed in the woods* - Mũi tên bay vọt **bên trên** bia rồi rơi trong rừng [5, tr.139].

Hoặc: *The boy stepped over the pile of leaves*. - Cậu bé bước **qua** đống lá [5, tr.134].

Nếu LM tiếp cận với TR sẽ có hai tình huống: (1) Khi LM che phủ TR, thì sử dụng *over*; (2) Khi TR có sự nâng đỡ LM thì dùng *on*. Trong tiếng Việt, các quan hệ tiếp xúc này đều được biểu thị bằng *trên*. Ví dụ: *The table cloth is over the table* - Khăn bàn phủ **trên** bàn [5, tr.150]; *He calmly placed a bottle of rice wine and two plastic glasses on the bed* (Wayne Karlin, tr.92) - Anh lặng lẽ đặt chai rượu **trên** giường và hai cái ly nhựa (Trung Trung Đình, *Đêm nguyệt thực*) (dẫn theo [1, tr.70]).

- Trong tiếng Việt, từ *trên* không chỉ bao hàm những nghĩa đã nêu trên mà còn có những nghĩa khác: biểu thị ý niệm định vị những vùng địa lí cao hơn (*trên rừng*, *trên cao nguyên*, ...); biểu thị ý niệm định vị các đơn vị hành chính (*trên trung ương*, ...). Trong tiếng Anh, những trường hợp này không sử dụng giới từ *above*.

4. Kết luận

Từ khảo sát ngữ nghĩa của *above* trong *Toàn tập Sherlock Holmes* cho thấy, ngữ cảnh sử dụng *above* đa dạng, với cả nghĩa định vị không gian và nghĩa phi không gian. Như vậy, việc xác định diễn

cảnh chỉ là xác định cho nghĩa nguyên thủy, nghĩa lí tưởng. Trong quá trình sử dụng ngôn ngữ, những nghĩa mới được sản sinh thêm thông qua hoạt động nhận thức thực tiễn gắn với ngôn ngữ. Ngoài ra, có một số trường hợp *above* hàm chứa cả nghĩa chuyển động hoặc điểm nhìn, đích đến. Bên cạnh đó, trong tiếng Việt có một tập hợp các hình thức biểu đạt tương đương với *above* (trong bản dịch *Toàn tập Sherlock Holmes* (2019) của nhà xuất bản Văn học có 17 hình thức). Điều này phản ánh đặc điểm tri nhận và cách thức mã hóa các ý niệm về định vị không gian nói riêng và ý niệm về thế giới khách quan nói chung của mỗi cộng đồng ngôn ngữ có nhiều điểm khác nhau. Trong những hình thức biểu đạt tương đương này của tiếng Việt, có hình thức tương đương nghĩa của *above* (*trên, nhiều hơn, lớn hơn*) nhưng cũng có những nghĩa hoàn toàn khác biệt (*tầm, lên, xuống, dưới, ...*). Hơn nữa, việc lựa chọn hình thức biểu đạt tương đương hoặc lược bỏ hình thức biểu đạt tương đương trong tiếng Việt còn phụ thuộc vào phong cách diễn đạt của từng dịch giả.

Above là hình thức để quy chiếu đến ý niệm về một vị trí trong không gian trên một trục thẳng đứng. Tuy nhiên, trong quá trình con người tiếp cận thế giới khách quan và sử dụng ngôn ngữ, cả ý niệm và tín hiệu ngôn ngữ được mã hóa đó chưa phải đã hoàn chỉnh, đã thỏa mãn được mong muốn biểu đạt của con người. Khi khung cảnh không gian tái hiện, con người sẽ “tái phân tích” ý niệm hóa đã có và bổ sung nghĩa. Chính vì vậy, những nghĩa của *above* mà chúng tôi trình bày không phải đã phản ánh đầy đủ, toàn diện mạng ngữ nghĩa của *above*. Nếu khảo sát ở những ngữ liệu khác, thuộc thể loại khác (chính trị - xã hội, ...) có thể thấy được những nét nghĩa khác ngoài những nét nghĩa mà chúng tôi đã khảo sát từ *Toàn tập Sherlock Holmes*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Trần Văn Dương, *Tri nhận không gian và hướng vận động trong tiếng Việt (đối chiếu với tiếng Anh)* (Luận án tiến sĩ ngôn ngữ học), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2019.
2. Trần Quang Hải, *Nghiên cứu giới từ định vị theo hướng ngữ dụng (trên cứ liệu tiếng Anh và tiếng Việt)* (Luận án tiến sĩ ngữ văn), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
3. Nguyễn Lai, *Nhóm từ chỉ hướng vận động tiếng Việt hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, 2001.
4. Hoàng Phê, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Hồng Đức, 2016.
5. Tyler A. & Evans V., *Ngữ nghĩa giới từ tiếng Anh* (Người dịch: Lâm Quang Đông, Nguyễn Minh Hà), Nxb Đại học Quốc gia, 2003.

Tiếng Anh

6. Lakoff, G., *Women, fire and dangerous things: What categories reveal about the mind*, University of Chicago Press, Chicago, 1987.
7. Langacker, R., *Foundations of cognitive grammar*, vol. I. Stanford, Stanford University Press, CA, 1987.
8. Quirk, R. and et al., *A comprehensive grammar of the English language*, Longman, London, 1985.
9. Talmy, L., *How language structure space, Toward a cognitive semantics*, Vol.1: Concept structuring systems, MIT Press, 197-199, Massachusetts, 2000.
10. Tyler, A. and Evans, V., *The semantics of English prepositions: Spatial sciences, embodied meaning, and cognition*, Cambridge University Press, 2003.